

**CÔNG TY CP PHÂN PHỐI IBLE AIRVIDA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP PHÂN PHỐI IBLE AIRVIDA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IBLE AIRVIDA VIETNAM DISTRIBUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: IBLE AIRVIDA DISTRIBUTION JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109539600

**3. Ngày thành lập:** 04/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 45A ngõ 59 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0964386666

Fax:

Email:

Website: *airvida.vn*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế như : bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình;<br>-Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu như: Máy lọc không khí . | 4649(Chính) |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                              | 4659        |
| 3.  | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                              | 7310        |
| 4.  | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                          | 7420        |
| 5.  | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                | 7721        |
| 6.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                               | 7730        |
| 7.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                    | 1820        |
| 8.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                           | 2640        |
| 9.  | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                | 2817        |
| 10. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;<br>- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;                                                                                                | 3100        |
| 11. | Xây dựng nhà ở                                                                                                                                                                                                                               | 4101        |

|     |                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                       | 4229 |
| 13. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                 | 4102 |
| 14. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                | 4291 |
| 15. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                         | 4292 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết:<br>- Dây dẫn và thiết bị điện,<br>- Đường dây thông tin liên lạc,<br>- Hệ thống chiếu sáng,<br>- Chuông báo cháy,<br>- Hệ thống báo động chống trộm, | 4321 |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                          | 4330 |
| 18. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                        | 4633 |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Trừ đấu giá                                                                                                                        | 4610 |
| 20. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                  | 4620 |
| 21. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết : Bán buôn chè                                                                                                                                           | 4632 |
| 22. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                    | 4641 |
| 23. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                     | 4651 |
| 24. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                      | 4652 |
| 25. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                     | 4662 |
| 26. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                 | 4663 |
| 27. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết :<br>-Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại<br>-Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                     | 4719 |
| 28. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                  | 4741 |
| 29. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                             | 4753 |
| 30. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4742 |
| 31. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4761 |
| 32. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                              | 4763 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Điều 11, 13, 24, 25 Luật Dược năm 2005; Điều 15, 23 Nghị định số 79/2006/NĐ-CP; Thông tư số 02/2007/TT-BYT; Chương II Thông tư số 46/2011/TT-BYT )                           | 4772 |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                 | 4773 |
| 35. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet                                                                                                         | 4791 |
| 36. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                              | 5210 |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                 | 5221 |
| 38. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                | 5222 |
| 39. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý tàu biển ;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan ;<br>- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển.                                                              | 5229 |
| 40. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                 | 5621 |
| 41. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng karaoke, vũ trường);                                                                                                                                                                                | 5630 |
| 42. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                        | 5820 |
| 43. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động thẩm định giá (chỉ hoạt động khi Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật)<br>(Điều 28 Luật giá 2012 số 11/2012/QH13) | 6619 |
| 44. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                               | 9000 |
| 45. | Hoạt động thư viện và lưu trữ                                                                                                                                                                                                                                            | 9101 |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HOÀNG ANH | Số 255 Giải Phóng, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 280.000    | 2.800.000.000         | 35,000    | C6138989                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 280.000    | 2.800.000.000         | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐÀO ĐỨC HIẾU     | 220-221 C1, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông         | 80.000     | 800.000.000           | 10,000    | 001080004091                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 80.000     | 800.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                         |                                                                                                      |                                    |         |               |        |                  |
|---|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | PHẠM<br>HOÀNG YẾN       | Số 10 Lê Trực,<br>Phường Điện<br>Biên, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000  | 800.000.000   | 10,000 | 0011860281<br>95 |
|   |                         |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                      | Tổng số                            | 80.000  | 800.000.000   | 10,000 |                  |
|   |                         |                                                                                                      |                                    |         |               |        |                  |
| 4 | NGUYỄN<br>ĐĂNG<br>THẮNG | 16 Ngõ 85<br>Nguyễn Phúc Lai,<br>Phường Ô Chợ<br>Dừa, Quận Đống<br>Đa, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 360.000 | 3.600.000.000 | 45,000 | 0340820084<br>17 |
|   |                         |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                      | Tổng số                            | 360.000 | 3.600.000.000 | 45,000 |                  |
|   |                         |                                                                                                      |                                    |         |               |        |                  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐĂNG THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/12/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034082008417

Ngày cấp: 05/07/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 16 Ngõ 85 Nguyễn Phúc Lai, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 45A ngõ 59 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội